

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51 /2023/DS - ST
Ngày: 27 – 9 – 2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hoa

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Phú

2. Ông Trương Quang Lương

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Đức, Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 37/2023/TLST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2023, về “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2023/QĐST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 166/2023/QĐST-DS ngày 08/9/2023, giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Công ty TNHH S Việt Nam; địa chỉ trụ sở: 128 Nguyễn D, phường Bến T, thành phố V, tỉnh Nghệ An; đại diện theo pháp luật: Ông Prart J – Giám đốc; đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Chính L; địa chỉ: Số 362 đường Trần Hưng Đ, phường Nam L, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình. Ông L có mặt.

+ *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 1987;

Nơi đăng ký HKTT và địa chỉ cần báo: Tổ dân phố 5, phường Hải T, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình; Ông Nguyễn Trọng Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 24/4/2023, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 20/06/2022 thông qua Hợp đồng cầm cố số QBM220601007NA22X, Chi nhánh Quảng Bình 01 – Công ty TNHH S Việt Nam đã giải ngân cho Ông Nguyễn Trọng Đ số tiền cầm cố cụ thể: 22.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Hai mươi hai triệu đồng). Và Chi nhánh Quảng Bình 01 – Công ty TNHH S Việt Nam nhận bảo đảm khoản tiền cầm cố trên cũng thông qua Hợp đồng cầm cố số QBM220601007NA22X, số đăng ký giao dịch đảm bảo trên hệ thống Đăng ký trực tuyến của cục đăng ký quốc gia: Giaodichdambao/botuphap: số 1462994628 theo web: <https://dktructuyen.moj.gov.vn/> với tài sản cầm cố là chiếc xe máy: HONDA AIR BLADE mang biển số 73B1-406.77, số khung: RLHJF633XNZ139504, số máy: JF94E0495722, thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Trọng Đ.

Ngoài ra, phía bị đơn ông Nguyễn Trọng Đ đã có Giấy ủy quyền ngày 20/06/2022 cho Chi nhánh Quảng Bình 01 - Công ty TNHH S Việt Nam với nội dung, bên nhận ủy quyền được thay mặt bên ủy quyền “quản lý, sử dụng, định đoạt (cho thuê, bán) chiếc xe mang biển số 73B1-406.77”. Và cũng trong ngày 20/06/2022, ông Nguyễn Trọng Đ đã có đơn gửi Chi nhánh Quảng Bình 1 - Công ty TNHH S Việt Nam xin mượn lại chiếc xe mang biển số 73B1-406.77 đã được cầm cố trên trong thời hạn một tháng từ ngày 20/06/2022 đến hết ngày 20/07/2022 và phía nguyên đơn đã đồng ý bàn giao tài sản cầm cố trên cho phía bị đơn.

Theo nội dung của Hợp đồng cầm cố số QBM220601007NA22X ngày 20/06/2022, thời hạn vay là 18 tháng, kể từ ngày 20/06/2022 đến ngày 20/12/2023, lãi suất cố định là 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế, tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền. Tuy nhiên, kể từ ngày 19/07/2022 cho đến nay đã quá hạn hợp đồng trễ 247 ngày, ông Đ vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo như đúng cam kết cho dù bên nhận cầm cố chúng tôi đã liên hệ nhiều lần nhưng phía bị đơn vẫn trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ dù đã quá thời hạn cầm cố từ lâu. Số tiền dư nợ gốc và lãi còn lại mà ông Đ chưa thanh toán cho Chi nhánh Quảng Bình 01 – Công ty TNHH S Việt Nam là 24.076.190 VNĐ (Bằng chữ: Hai mươi tư triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm chín mươi đồng).

Theo quy định tại các Điều 309, 310, 314 – Bộ Luật Dân sự 2015:

“Điều 309. Cầm cố tài sản

Cầm cố tài sản là việc một bên (sau đây gọi là bên cầm cố) giao tài sản thuộc quyền sở hữu của mình cho bên kia (sau đây gọi là bên nhận cầm cố) để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.”

“Điều 310. Hiệu lực của cầm cố tài sản

1. Hợp đồng cầm cố tài sản có hiệu lực từ thời điểm giao kết, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.
2. Cầm cố tài sản có hiệu lực đối kháng với người thứ ba kể từ thời điểm bên nhận cầm cố nắm giữ tài sản cầm cố.”

“Điều 314. Quyền của bên nhận cầm cố

1. Yêu cầu người đang chiếm hữu, sử dụng trái pháp luật tài sản cầm cố trả lại tài sản đó.
2. Xử lý tài sản cầm cố theo phương thức đã thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật.
3. Được cho thuê, cho mượn, khai thác công dụng tài sản cầm cố và hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản cầm cố, nếu có thỏa thuận.
4. Được thanh toán chi phí hợp lý bảo quản tài sản cầm cố khi trả lại tài sản cho bên cầm cố.”.

Hơn nữa chiếc xe này đã cầm cố, phía ông Đ đã mượn lại chúng tôi trong thời hạn 01 tháng (từ ngày 20/06/2022 đến hết ngày 20/07/2022), quá hạn đã trên 7 tháng những vẫn chưa mang trả lại tài sản cầm cố trên cho chúng tôi.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, căn cứ theo các Điều 4, 26, 39, 70, 71, 186 - Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; các Điều 309, 310, 314 – Bộ Luật Dân sự 2015 và căn cứ vào Hợp đồng cầm cố số QBM220601007NA22X ngày 20/06/2022 cũng như các tài liệu liên quan khác. Chúng tôi làm Đơn khởi kiện này gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới với yêu cầu cụ thể như sau:

Tuyên buộc Ông Nguyễn Trọng Đ phải giao trả lại chiếc xe HONDA AIR BLADE mang biển số 73B1-406.77 số khung: RLHJF633XNZ139504, số máy: JF94E0495722, cầm cố mà phía bị đơn đã mượn lại của Công ty TNHH S VIỆT NAM, để hai bên thực hiện việc thanh lý hợp đồng cầm cố và bàn giao tài sản và giấy tờ liên quan theo quy định của pháp luật.

Trường hợp ông Nguyễn Trọng Đ không thể trả lại xe cầm cố, ông Đ có nghĩa vụ phải thanh toán cả gốc lẫn lãi thông qua hợp đồng cầm cố tài sản khoản tiền 24.076.190 VNĐ (Bằng chữ: Hai mươi tư triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm chín mươi đồng) cho Công ty TNHH S VIỆT NAM.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng bị đơn ông Nguyễn Trọng Đ không có mặt nên các bên đương sự không tự thỏa thuận được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo qui định của pháp luật.

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn trình bày: Theo nội dung của Hợp đồng cầm cố số QBM220601007NA22X ngày 20/06/2022, thời hạn vay là 18 tháng, kể từ ngày 20/06/2022 đến ngày 20/12/2023, lãi suất cố định là 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế, tính từ ngày kí hợp đồng và nhận tiền. Tuy nhiên, kể từ ngày 19/07/2022 cho đến phiên xét xử lần 2 (27/09/2023) đã quá hạn hợp đồng trễ 403 ngày, ông Đ vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo như đúng cam kết cho dù bên nhận cầm cố chúng tôi đã liên hệ nhiều lần nhưng phía bị đơn vẫn trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ dù đã quá thời hạn cầm cố từ lâu. Số tiền dư nợ gốc và lãi còn lại mà ông Đ chưa thanh toán cho Chi nhánh Quảng Bình 01 – Công ty TNHH S Việt Nam là **25.251.000 VNĐ** (Bằng chữ: Hai mươi lăm triệu hai trăm năm mươi một nghìn đồng) Trong đó : - Gốc : 22.000.000 đồng; Lãi : 1,1 % x 22.000.000 x 403 ngày = 3.251.000 đồng

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn tự nguyện xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Nguyễn Trọng Đ phải giao trả lại chiếc xe HONDA AIR BLADE mang biển số 73B1-406.77 số khung: RLHJF633XNZ139504, số máy: JF94E0495722, cầm cố mà phía bị đơn đã mượn lại của Công ty TNHH S VIỆT NAM,

Nay nguyên đơn chỉ yêu cầu ông Đ có nghĩa vụ phải thanh toán cả gốc lẫn lãi tính đến ngày 27/9/2023 thông qua hợp đồng cầm cố tài sản khoản tiền 25.251.000 VNĐ (Bằng chữ: Hai mươi lăm triệu hai trăm năm mươi một nghìn đồng) cho Công ty TNHH S VIỆT NAM. Ngay sau khi ông Đ thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Công ty TNHH S Việt Nam có trách nhiệm giao trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy của ông Nguyễn Trọng Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới phát biểu quan điểm:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Về việc thụ lý vụ án: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng cầm cố, bị đơn có địa chỉ thường trú tại phường Hải T, thành phố Đồng Hới nên Tòa án thành phố Đồng Hới thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật.

** Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký phiên tòa:* Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX và thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp

luật từ thủ tục bắt đầu phiên tòa đến phần xét hỏi, tranh luận theo quy định của Bộ luật TTDS.

** Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng tại các phiên họp, các phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Đ vắng mặt không có lý do. Bị đơn đã không thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

** Về nội dung vụ án:* Đề nghị áp dụng Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 309, 311, 468 Bộ luật dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH S Việt Nam. Buộc ông Đ có nghĩa vụ phải trả cả gốc lẫn lãi tính đến ngày 27/9/2023 thông qua hợp đồng cầm cố tài sản khoản tiền 25.251.000 VNĐ (Bằng chữ: Hai mươi lăm triệu hai trăm năm mươi một nghìn đồng) cho Công ty TNHH S VIỆT NAM; Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Nguyễn Trọng Đ phải giao trả lại chiếc xe HONDA AIR BLADE mang biển số 73B1-406.77 số khung: RLHJF633XNZ139504, số máy: JF94E0495722, cầm cố mà phía bị đơn đã mượn lại của Công ty TNHH S VIỆT NAM,

Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Trọng Đ có địa chỉ tại: Tổ dân phố 5, phường Hải T, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ Luật tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Công ty TNHH S Việt Nam khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Trọng Đ phải giao trả lại chiếc xe HONDA AIR BLADE mang biển số 73B1-406.77 số khung: RLHJF633XNZ139504, số máy: JF94E0495722, cầm cố mà phía bị đơn đã mượn lại của Công ty TNHH S VIỆT NAM, để hai bên thực hiện việc thanh lý hợp đồng cầm cố và bàn giao tài sản và giấy tờ liên quan theo quy định của pháp luật; trường hợp ông Nguyễn Trọng Đ không thể trả lại xe cầm cố, ông Đ có nghĩa vụ phải thanh toán cả gốc lẫn lãi thông qua hợp đồng cầm cố tài sản khoản tiền 25.251.000 VNĐ. Vì vậy đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng cầm cố theo quy định tại Điều 309

Bộ luật Dân sự năm 2015; tranh chấp phát sinh giữa tổ chức và cá nhân, đây là tranh chấp phát sinh trong giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tiến hành các thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, nguyên đơn đã đến Tòa án làm bản tự khai, tham gia phiên họp công khai, tiếp cận chứng cứ và hòa giải theo giấy triệu tập của Tòa án.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Trọng Đ không đến Tòa án làm bản tự khai cũng như vắng mặt tại các lần Tòa án triệu tập sau đó. Để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi giấy triệu tập qua đường bưu điện; tổng đạt trực tiếp và tiến hành lập biên bản làm việc về việc không tiến hành tổng đạt trực tiếp được đối với bị đơn ông Đ và tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng, nhưng ông Đ vẫn cố tình vắng mặt tại các buổi làm việc do Tòa án triệu tập. Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ của bị đơn, qua tra hệ thống Dữ liệu dân sự và hồ sơ lưu trữ, Công an thành phố Đồng Hới xác minh kết quả như sau: *“Ông Nguyễn Trọng Đ, sinh ngày 10/12/1987. Có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại TDP5, phường Hải T, thành phố Đồng H, hiện nay chưa cắt chuyển hộ khẩu đi nơi khác. Tại thời điểm thông báo ông Đ không có mặt tại địa phương”*.

Toà án thông báo cho các bên đương sự đến để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng chỉ có nguyên đơn có mặt còn bị đơn vắng mặt không có lý do nên Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó Tòa án ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2023/QĐXXST-DS ngày 23/8/2023 và tiến hành niêm yết tại địa phương nơi bị đơn ông Đ cư trú. Ngày 08/9/2023 Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm, tuy nhiên bị đơn ông Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ Luật tố tụng Dân sự ra quyết định hoãn phiên tòa số: 166/2023/QĐST-DS ngày 08/9/2023 và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 27/9/2023 đồng thời tiến hành thủ tục niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng tại Tổ dân phố 5 và trụ sở UBND phường Hải T nơi bị đơn ông Đ cư trú. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Trọng Đ.

[1.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ Công văn yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cung cấp tài liệu chứng cứ. Tại phiên tòa hôm nay có sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát nhân dân theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn tự nguyện xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Nguyễn Trọng Đ phải giao trả lại chiếc xe HONDA AIR BLADE mang biển số 73B1-406.77 số khung: RLHJF633XNZ139504, số máy: JF94E0495722, cầm cố mà phía bị đơn đã mượn lại của Công ty TNHH S VIỆT NAM. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này của Nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận theo Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu trên của nguyên đơn.

Nay nguyên đơn chỉ yêu cầu ông Đ có nghĩa vụ phải thanh toán cả gốc lẫn lãi tính đến ngày 27/9/2023 thông qua hợp đồng cầm cố tài sản khoản tiền 25.251.000 VNĐ (Bằng chữ: Hai mươi lăm triệu hai trăm năm mươi một nghìn đồng) cho Công ty TNHH S VIỆT NAM. Ngay sau khi ông Đ thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Công ty TNHH S Việt Nam có trách nhiệm giao trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy của ông Nguyễn Trọng Đ.

[2.2] Xét hợp đồng cầm cố:

Vào ngày 20/06/2022 thông qua Hợp đồng cầm cố số QBM220601007NA22X, Chi nhánh Quảng Bình 01 – Công ty TNHH S Việt Nam đã giải ngân cho Ông Nguyễn Trọng Đ số tiền cầm cố cụ thể: 22.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Hai mươi hai triệu đồng). Và Chi nhánh Quảng Bình 01 – Công ty TNHH S Việt Nam nhận bảo đảm khoản tiền cầm cố trên cũng thông qua Hợp đồng cầm cố số QBM220601007NA22X, số đăng ký giao dịch đảm bảo trên hệ thống Đăng ký trực tuyến của cục đăng ký quốc gia: Giaodichdambao/botuphap: số 1462994628 theo web: <https://dktructuyen.moj.gov.vn/> với tài sản cầm cố là chiếc xe máy: HONDA AIR BLADE mang biển số 73B1-406.77, số khung: RLHJF633XNZ139504, số máy: JF94E0495722, thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Trọng Đ. Xét thấy, Hợp đồng cầm cố tài sản được các bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay bị ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp phù hợp với quy định với Điều 309 Bộ luật Dân sự năm 2015. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Đ không trả tiền gốc cho Công ty TNHH Srisawad Việt Nam khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ theo Điều 311 Bộ luật Dân sự năm 2015. Công ty TNHH S Việt Nam khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Trọng Đ có nghĩa vụ trả số tiền 22.000.000 VNĐ là phù hợp nên chấp nhận.

[2.3] Về yêu cầu tính lãi: Công ty TNHH S Việt Nam có đăng ký kinh doanh dịch vụ cầm đồ, nên yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền 22.000.000 VNĐ, HĐXX thấy rằng:

Theo nội dung của Hợp đồng cầm cố số QBM220601007NA22X ngày 20/06/2022, thời hạn vay là 18 tháng, kể từ ngày 20/6/2022 đến ngày 20/12/2023, lãi suất cố định là 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế, tính từ ngày kí hợp đồng và nhận tiền. Tuy nhiên, kể từ ngày 19/7/2022 cho đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm 27/9/2023 đã quá

hạn hợp đồng trễ 403 ngày, ông Đ vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo như đúng cam kết. Số tiền dư nợ gốc và lãi còn lại mà ông Đ chưa thanh toán cho Công ty TNHH S Việt Nam là **25.251.000 VNĐ** (Bằng chữ: Hai mươi lăm triệu hai trăm năm mươi một nghìn đồng) Trong đó: nợ gốc: 22.000.000 đồng; nợ lãi: $1,1\% \times 22.000.000 \times 403 \text{ ngày} = 3.251.000 \text{ đồng}$. Do đó, yêu cầu tính lãi nêu trên của nguyên đơn là có căn cứ. Theo đó, căn cứ khoản 6 Điều 29 Nghị định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ và điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/10/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Nên yêu cầu này của Công ty TNHH Srisawad Việt Nam là phù hợp với khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015,

Tổng số tiền dư nợ gốc và lãi mà ông Đ chưa thanh toán cho Công ty TNHH S Việt Nam tính đến ngày 27/9/2023 là **25.251.000 đồng** (Bằng chữ: Hai mươi lăm triệu hai trăm năm mươi một nghìn đồng) Trong đó: nợ gốc: 22.000.000 đồng; nợ lãi: $1,1\% \times 22.000.000 \times 403 \text{ ngày} = 3.251.000 \text{ đồng}$

Từ các mục [2.2]; [2.3], Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Trọng Đ có nghĩa vụ trả Công ty TNHH S Việt Nam tính đến ngày 27/9/2023 số tiền gốc 22.000.000 đồng, lãi 3.251.000 đồng. Tổng cộng là **25.251.000 đồng** (Bằng chữ: Hai mươi lăm triệu, hai trăm năm mươi một nghìn đồng).

Ngay sau khi ông Đ thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Công ty TNHH S Việt Nam có trách nhiệm giao trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy của ông Nguyễn Trọng Đ là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH S Việt Nam được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Trọng Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5% trên tổng số tiền là: **25.251.000 đồng $\times$ 5% = 1.263.000 đồng** để sung quỹ nhà nước.

Công ty TNHH S Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH S Việt Nam số tiền tạm ứng án phí 602.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 31AA/2021/0001517 ngày 15/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 244; Điều 266; Điều 269; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;
- Áp dụng các Điều 309, 311, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;
- Luật thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH S Việt Nam.

1.1. Buộc ông Nguyễn Trọng Đ phải có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH S Việt Nam tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 27/9/2023 là: **25.251.000** đồng (Bằng chữ: Hai mươi lăm triệu, hai trăm năm mươi một nghìn đồng) trong đó: tiền gốc 22.000.000 đồng và tiền lãi 3.251.000 đồng.

Thời hạn thanh toán: Ngay khi bản án có hiệu lực.

1.2. Từ ngày 28/9/2023 cho đến khi trả hết nợ gốc và lãi, hàng tháng ông Nguyễn Trọng Đ còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền gốc chậm trả theo mức lãi suất tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Ngay sau khi ông Nguyễn Trọng Đ thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Công ty TNHH S Việt Nam có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy của ông Nguyễn Trọng Đ, biên kiểm soát 73B1-406.77.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc yêu cầu ông Nguyễn Trọng Đ phải giao trả lại chiếc xe HONDA AIR BLADE mang biển số 73B1-406.77 số khung: RLHJF633XNZ139504, số máy: JF94E0495722, cầm cố mà phía bị đơn đã mượn lại của Công ty TNHH S VIỆT NAM.

4. Án phí:

4.1. Bị đơn ông Nguyễn Trọng Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung quỹ Nhà nước là **1.263.000** đồng.

4.2. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH S Việt Nam số tiền tạm ứng án phí **602.000 đồng** đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 31AA/2021/0001517 ngày 15/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án Dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Án xử công khai, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (27/9/2023). Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thanh Hoa